

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
PVP-Iodine 30/06

Sử dụng: Pharmaceutical agent

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể sau khi tiếp xúc nhiều lần (Tuyến giáp): Cat.2

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat.1

Kích ứng da: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025



Cảnh báo:

| Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H318	Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H373	Có thể gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng nếu tiếp xúc lặp lại trong thời gian dài.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.
H411	Độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P260	Không hít vào bụi .
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NEU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch. Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ.
P310	NEU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P302+P352	Thu gom tràn đổ.
P391	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P362 + P364	

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

| Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer, compd. with iodine
Số CAS: 25655-41-8

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
 Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

| 2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer, compd. with iodine

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$	Eye Dam./Irrit.: Cat. 1
Số CAS: 25655-41-8	STOT RE (Tuyến giáp): Cat. 2
	Aquatic Acute: Cat. 2
	Skin Corr./Irrit.: Cat. 2
	Aquatic Chronic: Cat. 2

| formic acid

Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 1\%$	Flam. Liq.: Cat. 3
Số CAS: 64-18-6	Acute Tox.: Cat. 3 (Hô hấp - hơi nước)
	Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
	Skin Corr./Irrit.: Cat. 1A
	Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
 Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ. Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí.

Khi tiếp xúc với da:
 Ngay lập tức rửa kỹ với nhiều nước, mặc áo quần khô, xin ý kiến tư vấn chuyên môn về da.

Khi tiếp xúc với mắt:
 Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:
 Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
 Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.
 Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
 Phun nước, cacbon dioxide, bột khô, Cát khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
 Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:
 hydrogen cyanide, iodine, carbon dioxide, các oxit nitơ
 Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Bụi nổ nguy hại.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Tránh bụi. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không thổi bụi. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi. Quá trình vệ sinh sản xuất chỉ nên được thực hiện khi đeo thiết bị trợ thở.

Thông tin bổ sung: Tránh phát tán bụi trong không khí (ví dụ như dùng khí nén để làm sạch bụi trên bề mặt...) Tránh sự hình thành và tích tụ bụi - nguy cơ nổ bụi. Bụi ở nồng độ đủ có thể dẫn đến hỗn hợp nổ trong không khí. Xử lý để giảm thiểu bụi và loại bỏ ngọn lửa hở và các nguồn gây cháy khác.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh bụi. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

Loại bụi nổ: Nổ bụi loại 1 (Kst - Giá trị >0 đến 299 bar m s-1)..

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

formic acid, 64-18-6;

Giá trị TWA 5 ppm (ACGIHTLV)
Giá trị STEL 10 ppm (ACGIHTLV)
Giá trị TWA 9 mg/m³ (OEL (VN))
Giá trị STEL 18 mg/m³ (OEL (VN))

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Không thổi bụi Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: bột vô định hình
Màu sắc: Màu nâu
Mùi: gần như không mùi

Giá trị pH: 1.8 (pH kế)
(tương đương 101.5 g/kg, 20 °C)

Điểm nóng chảy: > 180 °C (OECD-Hướng dẫn 102)
quá trình phân huỷ chậm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Điểm sôi:	(1,013 hPa) Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Phân huỷ do nhiệt:	> 180 °C , 20 J/g	
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.	(VDI 2263, tờ 1, 1.4.1)
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	Sản phẩm có thể nổ bụi.	
Nguy cơ nổ:	Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	< 0.1 hPa (tương đương 20 °C)	
Tỷ trọng tương đối:	1.365 (20 °C)	(OECD-Hướng dẫn 109)
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	450 kg/m ³	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không liên quan	
Tính tan trong nước:	tương đương 700 g/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các dung môi:	cồn, ethanol hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	< -3.1 (23 °C)	(phương pháp nội bộ)
Tính nhớt, động lực:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Phân huỷ do nhiệt: > 180 °C, 20 J/g

Những chất cần tránh:

các chất khử, Kim loại

Sự ăn mòn kim loại: Ăn mòn kim loại có thể xảy ra trong môi trường nước hoặc ẩm.

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 4,640 mg/kg

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,500 mg/kg

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Gây kích ứng da Nguy cơ gây tổn thương nghiêm trọng đến mắt

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

| Ắn mòn/Kích ứng da thô: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

| Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thô: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

| Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

| Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

| Không tác dụng đột biến nào được tìm thấy trong nhiều thí nghiệm khác nhau trên vi khuẩn và động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

| Không có sẵn các dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

| Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

| Trong các nghiên cứu trên động vật, chất không là nguyên nhân gây ra những dị tật.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

| Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

| Nguy hiểm gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe khi tiếp xúc/ phơi nhiễm lâu dài. Hủy hoại tuyến giáp

Nguy cơ khi hít vào

| không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 6.78 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 3.23 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 4.91 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (17 h) 270 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 8, hiệu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không dữ liệu nào cho thấy gây độc cho loài cá.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không dữ liệu nào cho thấy gây độc cho động vật không xương sống.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

< 20 % giảm DOC (3 h) (Hướng dẫn OECD 302 B) (hiệu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt, được thích ứng)

< 10 % (28 d) (ISO 14593) (hiệu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Không có sẵn các dữ liệu.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, polyme không có giá trị về mặt sinh học. Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (POLYVINYLPYRROLIDONE IODINE COMPLEX)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Nhóm đóng gói: III
Mối nguy hiểm về môi trường: Có
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG
Số UN hoặc số ID: UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (POLYVINYLPYRR OLIDONE IODINE COMPLEX)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Nhóm đóng gói: III
Mối nguy hiểm về môi trường: Có
Ô nhiễm hàng hải: CÓ
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: EmS: F-A; S-F

Sea transport

IMDG
UN number or ID number: UN 3077
UN proper shipping name: ENVIRONMENTA LLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (POLYVINYLPYR ROLIDONE IODINE COMPLEX)
Transport hazard class(es): 9, EHSM
Packing group: III
Environmental hazards: yes
Marine pollutant: YES
Special precautions for user: EmS: F-A; S-F

Vận tải hàng không

IATA/ICAO
Số UN hoặc số ID: UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (POLYVINYLPYRR OLIDONE IODINE COMPLEX)

Air transport

IATA/ICAO
UN number or ID number: UN 3077
UN proper shipping name: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (POLYVINYLPYRR OLIDONE IODINE COMPLEX)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 26.07.2023
 Sản phẩm: **PVP-Iodine 30/06**

Phiên bản: 6.0

(30034963/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	9, EHS	Transport hazard class(es):	9, EHS
Nhóm đóng gói:	III	Packing group:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Có	Environmental hazards:	yes
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin	Special precautions for user:	None known

Thông tin bổ sung

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 kg trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2)

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm tra và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hóa chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.